

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4720/2024/KDTM-ST  
Ngày: 27-09-2024.  
V/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán điện.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Gái.
- Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 549/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 7566/2024/QĐST-DS ngày 05/09/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Trụ sở: Số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Phú L, địa chỉ: Số F Tỉnh lộ 43, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 2023/UQ-PCTĐ ngày 30/11/2023. (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ trụ sở: Số C N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: 1 Đường số A, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Tổng Công ty Điện lực Thành phố H** trình bày:

Giữa **Công ty TNHH B** (sau đây gọi tắt là **Công ty B**) và **Tổng Công ty Điện lực Thành phố H** có ký Hợp đồng mua bán điện với mục đích sinh hoạt bình thường (điện kế PE12000256680), tại địa chỉ: **Số S KNO S, số B M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Sau khi sử dụng điện, **Công ty B** còn nợ nguyên đơn tiền mua điện là 3.627.499 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **Công ty B** trả tiền điện còn thiếu là: 3.627.499 đồng.

Bị đơn **Công ty TNHH B** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về tuân theo pháp luật tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* **Công ty TNHH B** đã vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng mua bán điện các bên đã ký kết, Hợp đồng mua bán điện được giao kết đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đề tranh chấp các quyền nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện, việc tranh chấp này phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các bên. Mặt khác, các bên đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và việc ký kết hợp đồng giữa các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán điện*” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên giao kết Hợp đồng có nội dung nguyên đơn cung cấp điện để bị đơn sử dụng tại địa chỉ: **S, số B M, phường A, thành phố T** và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông **Hồ Phú L** có đơn xin xét xử vắng mặt, **Công ty B** vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238



của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[3.1] Ngày 16/10/2018, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18/019310 (mã PE12000256680) với nội dung bị đơn mua điện của nguyên đơn để sử dụng tại địa chỉ: **S, số B M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**, các bên thỏa thuận việc thanh toán tiền điện, lắp công tơ điện, quyền nghĩa vụ giữa các bên và một số thỏa thuận khác. Các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký kết Hợp đồng mua bán điện, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội nên Hợp đồng mua bán điện nêu trên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2] Theo điện kế điện tử thể hiện từ ngày 17/12/2022 đến ngày 15/01/2023 bị đơn đã sử dụng số điện năng tiêu thụ là 1213 tương ứng với giá tiền phải trả là: 3.627.499 đồng. Vào các ngày 03/03/2023, ngày 13/03/2023, ngày 05/05/2023 nguyên đơn đã ra các Thông báo ngừng cung cấp điện và yêu cầu bị đơn đóng tiền điện. Ngày 03/7/2023, nguyên đơn đã ra Thông báo số 2855/PCTĐ-QLTG2 gửi bị đơn với nội dung yêu cầu bị đơn đóng tiền điện và phí tạm ngưng cấp điện chậm nhất là ngày 26/7/2023. Tuy nhiên, phía bị đơn không thanh toán khoản tiền điện còn nợ là 3.627.499 đồng cho nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền điện còn nợ 3.627.499 đồng là có cơ sở để xem xét chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.627.499 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

[4.1] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4.2] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H:**

Buộc Công ty TNHH B trả cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H số tiền là: 3.627.499 đồng (*Ba triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng*) Trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:**

Án phí dân sự sơ thẩm là: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) Công ty TNHH B phải chịu. Công ty TNHH B chưa nộp án phí.

H lại cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H TNHH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0001634 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

**3. Về quyền yêu cầu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành



án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### 4. Về quyền kháng cáo:

**Tổng Công ty Điện lực Thành phố H, Công ty TNHH B** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Nguyễn Trung Thực**